

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2022

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nơi
2. Bà Vũ Thị Khánh Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXX-ST ngày 16 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Chị Lò Thị P, sinh năm 1993 (xin vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Nơi ở hiện nay: Bản P, xã M, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lò Thị P kết hôn cùng nhau do đôi bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 04-3-2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa T được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban

được nhau trong cuộc sống hàng ngày, hay xảy ra cãi nhau. Năm 2017 chị P xin phép gia đình anh để về quê ở tỉnh Sơn La để làm ăn một thời gian, sau đó chị P không về nữa, anh đã nhiều lần tìm chị P về đoàn tụ nhưng chị P không về, vợ chồng sống ly thân từ khoảng năm 2017 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án nhân dân (viết tắt là TAND) huyện Hưng Hà giải quyết cho anh được ly hôn chị P.

Về nuôi con chung: Anh và chị P không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Anh và chị P không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện công việc bận nên anh đề nghị Tòa án cho anh xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa anh và chị P.

Tại đơn đề nghị và đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt, bị đơn chị Lò Thị P trình bày:

Chị đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và tài liệu khởi kiện do anh T giao nộp cho Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, chị được biết hiện nay Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn T, chị nhất trí đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án ly hôn giữa chị và anh T.

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn cùng nhau do đôi bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 04-3-2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa T được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T có đơn ly hôn chị nhất trí.

Về nuôi con chung: Không có.

Về chia tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện chị ở xa, dịch bệnh phức tạp nên chị đề nghị Tòa án cho chị xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa chị và anh T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giám sát sự tuân theo pháp luật tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, anh T và chị P đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Lò Thị P; về

nuôi con chung, về chia tài sản chung: Không có nên không giải quyết; Về án phí: Anh T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà nhận định:

[1] *Về thẩm quyền*: Anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn chị Lò Thị P, chị P hiện đang sinh sống tại Bản P, xã M, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La, chị P có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà giải quyết vụ án ly hôn giữa chị P và anh T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[2] *Về tố tụng*: Anh T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, xin vắng mặt tại phiên tòa, chị P xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt anh T và chị P theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn T và chị Lò Thị P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào 14-3-2014, là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hòa T, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, anh T và chị P không khắc phục được đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, anh T có đơn khởi kiện xin ly hôn, chị P nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng anh T và chị P đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh T, xử cho anh T được ly hôn chị P là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nuôi con chung*: Anh T và chị P không có con chung nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

[5] *Về chia tài sản*: Anh T và chị P đều trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà về hướng giải quyết vụ án phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] *Về án phí*: Anh T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Lò Thị P.

2. Về nuôi con chung: Không có.

3. Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003604 ngày 15-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (anh T đã nộp đủ tiền án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T và chị Lò Thị P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát ND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Bích Thủy

